

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

**Gói thầu: Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng
chở tiền cho các đơn vị NHNN**

Số: .01.. /TTK/2024/PHKQ-TL

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1701/QĐ-NHNN ngày 13/8/2024 của Thống đốc NHNN v/v phê duyệt dự toán mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-NHNN ngày 15/8/2024 của Thống đốc NHNN v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-PHKQ1 ngày 19/8/2024 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ v/v phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-PHKQ1 ngày 19/09/2024 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ Văn bản số 835/PHKQ5 ngày 19/9/2024 của Cục Phát hành và Kho quỹ v/v thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung ngày 27/9/2024 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Chủ đầu tư) và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Căn cứ E-HSMT, E-HSDT và các hồ sơ liên quan;

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung: CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 0243 9360668

Fax: 0243 8244650

Tài khoản: 602.004.000.000.7900 tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà Nước

Đại diện: **Bà Lê Văn Quỳnh**

Chức vụ: **Phó Cục trưởng**

(Giấy ủy quyền số 279/GUQ-PHKQ1 ngày 29/12/2023 của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ)

II. Nhà thầu cung cấp hàng hóa: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THANH LÂM (Sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ: Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.8241036

Fax: 0243.8241037

Mã số thuế: 0105959121

Tài khoản: 110600958688

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Chương Dương

Đại diện: **Bà Nguyễn Thị Phúc Thanh**

Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN” với nội dung như sau:

III. NỘI DUNG THỎA THUẬN KHUNG

Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

1. Tên tài sản: Ô tô chuyên dùng chở tiền, mới 100% (Chi tiết hàng hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ theo Phụ lục số 01 đính kèm).

2. Bảng kê số lượng hàng hóa: Bên A giao cho Bên B cung cấp hàng hóa cụ thể như sau:

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỖ TIỀN - Nhân hiệu: HYUNDAI PAVISE - Mã hiệu: PAVISE D1 SWB - Dung tích xylanh: 5.899cc - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám - Số chỗ ngồi: 03 chỗ - Tiêu chuẩn khí thải: EURO5	Xe	06	2.930.000.000	17.580.000.000
	TỔNG CỘNG				17.580.000.000

Điều 2. Danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa

- Tại Hà Nội: Trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, địa chỉ: Ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP.

Hà Nội (03 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

- Tại Phú Thọ: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: số 1478 Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

- Tại Nghệ An: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 1 Nguyễn Sỹ Sách, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

- Tại Vĩnh Long: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 143 Đường Lê Thái Tổ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

Điều 3. Giá trị thỏa thuận khung

Giá trị thỏa thuận khung là: **17.580.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười bảy tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng)

(Giá đã bao gồm giá xe, thuế GTGT 10%, các loại thuế và chi phí vận chuyển đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của Bên mua).

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi các hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực, Bên B cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành cho từng đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Cục Phát hành và Kho quỹ; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nghệ An; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Long; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ). Thư bảo lãnh là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu số 18, Phần 4 Biểu mẫu hợp đồng, E-HSMT.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị của từng hợp đồng mua sắm tài sản với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa tại các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Cục Phát hành và Kho quỹ; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nghệ An; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Long; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ) và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

+ Từ chối thực hiện Thỏa thuận khung, hợp đồng khi Thỏa thuận khung, hợp đồng có hiệu lực;

+ Vi phạm thỏa thuận trong Thỏa thuận khung, hợp đồng;



+ Thực hiện Thỏa thuận khung, hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 5. Thời gian, địa điểm bàn giao hàng hóa, tài liệu bàn giao

1. Thời gian giao hàng hóa: Tối đa 210 ngày kể từ khi Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

2. Địa điểm giao hàng hóa:

- Tại Hà Nội: Trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, địa chỉ: Ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội (03 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

- Tại Phú Thọ: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: số 1478 Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

- Tại Nghệ An: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 1 Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

- Tại Vĩnh Long: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 143 Đường Lê Thái Tổ, Phường 2 Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).

3. Tài liệu bàn giao:

Bên B phải cung cấp các chứng từ sau đây tại thời điểm bàn giao hàng hóa cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:

- *Đối với xe cơ sở:*

+ Một (01) Bản sao y có xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp;

+ Một (01) Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

- *Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền:* Một (01) Bản gốc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp;

- *Đối với máy bộ đàm:* Một (01) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);

- Một (01) Bản gốc Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp.

- Bản gốc đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý theo quy định hiện hành để thực hiện đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Sổ bảo hành cho từng xe của Nhà sản xuất (đối với xe ô tô);

- Giấy cam kết bảo hành của nhà thầu đối với Máy bộ đàm.
- Sách hướng dẫn sử dụng và Catalogue (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch).

Điều 6. Bảo hành, hướng dẫn sử dụng hàng hóa

1. Bảo hành:

- Thời hạn bảo hành:
 - + Đối với xe ô tô: Thời hạn bảo hành là 24 tháng hoặc 50.000km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao.
 - + Đối với Máy bộ đàm: Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Thời gian bảo hành 24 tháng đối với thân máy, 12 tháng đối với tất cả phụ kiện.
- (Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho hàng hóa được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chấp nhận hàng hóa sửa chữa hoặc thay thế đó)
- Địa điểm để áp dụng bảo hành:
 - + Đối với xe ô tô: Bảo hành tại các trung tâm bảo hành của Hãng trên toàn quốc.
 - + Đối với Máy bộ đàm: Hàng hóa được bảo hành tại địa điểm bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và sửa chữa hoặc thay mới trong thời gian bảo hành.
- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, Bên B phải nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng mua sắm tài sản cho từng đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành theo thời hạn bảo hành hàng hóa theo quy định.
- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:
 - + Bên B chỉ bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra;
 - + Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;
 - + Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư

hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

2. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa: Bên B hướng dẫn sử dụng tài sản tại địa điểm cung cấp tài sản cho các đơn vị trực tiếp sử dụng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Ký kết thỏa thuận khung và Biên bản thanh lý thỏa thuận khung với Bên B.
- Thông báo bằng văn bản đến các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản về ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản kèm theo Thỏa thuận khung.
- Đăng tải công khai kết quả theo quy định trên trang thông tin điện tử tổng hợp về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư và Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà Nước.
- Phối hợp với Bên B để thực hiện kiểm tra tại cơ sở sản xuất khoang chờ tiền; nghiệm thu sơ bộ hàng hóa; nghiệm thu tổng thể gói thầu theo quy định tại Thỏa thuận khung.
- Giám sát quá trình thực hiện thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho Bên B và tập hợp hồ sơ quyết toán kinh phí mua sắm tài sản trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Phối hợp với Bên B và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm tài sản.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hàng hóa đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, xuất xứ theo quy định tại Thỏa thuận khung.
- Thực hiện ký kết Thỏa thuận khung mua sắm tập trung với Bên A; Ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Ký các Biên bản theo quy định của Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ phục vụ tạm ứng, thanh, quyết toán theo quy định Thỏa thuận khung.
- Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Thỏa thuận khung mua sắm tập trung.
- Cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và lắp đặt, hướng dẫn vận hành cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Trước khi cung cấp hàng hóa, Bên B phải cung cấp danh sách cán bộ tham gia thực hiện gói thầu và có văn bản cam kết lý lịch trích ngang của cán bộ thực hiện

kiểm tra, thử nghiệm, lắp đặt, bàn giao và hướng dẫn sử dụng cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Bên B phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết như: Biển số tạm, nhiên liệu,... cho các xe để thực hiện việc chạy thử, nghiệm thu bàn giao hàng hóa với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Bên B phải đảm bảo cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ, giấy tờ pháp lý của xe ô tô để đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện các thủ tục đăng ký lưu hành xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Bên B hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Bên B phải có trách nhiệm đảm bảo nguồn vốn trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại Thỏa thuận khung.

3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B (*Theo Mẫu Hợp đồng mua sắm tài sản tại Phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*). Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Thỏa thuận khung mua sắm tập trung.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện nội dung công việc theo quy định Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm tài sản. Phối hợp Bên B chạy thử nghiệm quãng đường 100-200km (tuyến đường do Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chỉ định)... để thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

- Lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (*Theo Mẫu Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản tại Phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*).

- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu hành xe ô tô theo quy định hiện hành ngay sau khi nhận được đủ bộ hồ sơ, giấy tờ pháp lý của xe ô tô do Bên B cung cấp.

- Hạch toán, theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý và sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà Nước.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B. Việc thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.

- Thông báo, phối hợp với Bên A, Bên B trong việc giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm, bảo hành hàng hóa.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm gửi 02 (hai) bản chính các văn bản: Hợp đồng mua sắm tài sản; Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản và Biên bản thanh lý hợp đồng về Bên A (Cục Phát hành và Kho quỹ) ngay sau

khi hoàn thành công việc hợp đồng và cung cấp bản sao hồ sơ, chứng từ, hóa đơn liên quan đăng ký lưu hành xe để Bên A thực hiện quyết toán mua sắm hàng hóa.

Điều 8. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Kiểm tra kỹ thuật tại cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền chuyên dùng

- Bên B có văn bản thông báo cho Bên A đến cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền chuyên dùng vào thời điểm hàng hóa đang sản xuất, lắp ráp hoàn thiện sản phẩm (trong đó có 01 sản phẩm đã lắp ráp hoàn thiện) để kiểm tra kỹ thuật hàng hóa.

- Kết quả kiểm tra được hai bên ghi nhận vào Biên bản kiểm tra hàng hóa tại cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền (*Theo Mẫu tại Phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*).

- Điều kiện để kiểm tra kỹ thuật gồm: Kiểm tra phần động cơ, máy của xe cơ sở, bản vẽ thiết kế; khung, gầm, cabin, khoang chở tiền ... phải đảm bảo đúng thông số kỹ thuật đã được quy định trong thỏa thuận khung.

- Chi phí kiểm tra kỹ thuật: Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra kỹ thuật do Bên B chịu.

2. Kiểm tra, nghiệm thu sơ bộ hàng hóa:

- Trước khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa tại các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu sơ bộ hàng hóa.

- Bên B có văn bản thông báo về thời gian thực hiện nghiệm thu sơ bộ hàng hóa cho Bên A tối thiểu 03 ngày trước ngày nghiệm thu sơ bộ và gửi kèm theo một bộ bản chụp các chứng từ sau:

** Đối với xe cơ sở:*

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp;

+ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

** Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền:* Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp;

** Đối với máy bộ đàm:* Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);

** Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp;*

- Địa điểm kiểm tra, nghiệm thu sơ bộ hàng hóa: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc địa điểm thống nhất giữa các bên.

Thanh

- Nội dung kiểm tra, nghiệm thu sơ bộ: Kiểm tra model, chủng loại, CO, CQ của hàng hóa; Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp... đảm bảo hàng hóa đúng quy định trong thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

3. Kiểm tra, nghiệm thu tại các đơn vị sử dụng (Cục Phát hành và Kho quỹ, NHNN CN Tỉnh Nghệ An, NHNN CN Tỉnh Vĩnh Long, NHNN CN Tỉnh Phú Thọ):

- Bên B có văn bản thông báo cho Bên A và các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản về kế hoạch bàn giao, nghiệm thu hàng hóa tối thiểu 05 ngày trước ngày bàn giao hàng hóa và gửi kèm theo một bộ bản chụp các chứng từ quy định tại Khoản 2 Điều này.

** Nội dung kiểm tra, nghiệm thu:*

- Đối với ô tô: Kiểm tra các chức năng, tình trạng vận hành và chạy thử nghiệm. Phần thử nghiệm xe được xếp đủ trọng tải, chạy thử quãng đường 100-200km (tuyến đường do đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chỉ định).

- Đối với máy bộ đàm: Kiểm tra, thử nghiệm đảm bảo thông tin liên lạc, kết nối được với bộ đàm của các xe chuyên dùng Ngân hàng Nhà nước đang sử dụng.

4. Chi phí liên quan việc kiểm tra, thử nghiệm được tính trong giá gói thầu, Bên A và các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản không phải trả chi phí này.

- Bên A và các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ loại bỏ tất cả những hàng hoá không đạt yêu cầu sau kiểm tra, thử nghiệm.

- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa không miễn trừ cho Bên B nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo Thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

Điều 9. Hiệu lực của thỏa thuận khung, thời gian thực hiện thỏa thuận khung, thời hạn áp dụng thỏa thuận khung

1. Thỏa thuận khung có hiệu lực sau 12 ngày làm việc kể từ ngày ký.

2. Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 210 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

3. Thời hạn áp dụng thỏa thuận khung: 360 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

Điều 10. Hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong thỏa thuận khung;

- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi thời gian thực hiện thỏa thuận khung:

Việc thay đổi thời gian thực hiện thỏa thuận khung chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia thỏa thuận khung;
- Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thỏa thuận khung;
- Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện thỏa thuận khung mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia thỏa thuận khung thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện thỏa thuận khung làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các trường hợp khác: Các trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung thỏa thuận khung trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung thỏa thuận khung.

Điều 11. Thông báo

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến thỏa thuận khung phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ:

- Chủ đầu tư: Cục Phát hành và Kho quỹ, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số điện thoại: 0243.9360668; Fax: 0243.8244650

- Nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm; Địa chỉ: Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; Số điện thoại: 0243.8241036; Fax: 0243.8241037.

2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 12. Các nội dung liên quan khác.

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B.

Thỏa thuận khung được thanh lý sau khi các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B ký biên bản thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản và Bên A hoàn thành thanh toán đợt 1 cho Bên B.



Thỏa thuận khung này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản; gửi Vụ Tài chính - Kế toán giữ 01 (một) bản./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
MUA SẴM TẬP TRUNG
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Quỳnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP HÀNG HÓA
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
SẢN XUẤT THANH LÂM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Phúc Thanh

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG

(Đính kèm Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số: 01./TTK/2024/PHKQ-TL
ngày 30/9/2024)

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.2. “Thỏa thuận khung” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại; 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.
----------------------	--

thanh

2. Tài liệu thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận khung để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục; b) Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung; c) Thư chấp thuận E-HSDT; d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) E-ĐKCT; e) E-ĐKC; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Ký hợp đồng thầu phụ	5.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà

	thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 5.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.
6. Giải quyết tranh chấp	6.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 6.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.
7. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
8. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT .
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 8 E-ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói

	thầu.
11. Thuế, phí, lệ phí	11.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 11.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 11.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. 13.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
14. Quyền tác giả	Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách

	trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.
15. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến thỏa thuận khung	15.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 15.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 15.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 15.1 và Mục 15.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 15.4. Các quy định tại Mục 15 E-ĐKC không làm thay đổi

	bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 15.5. Các quy định tại Mục 15 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
16. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
17. Đóng gói hàng hóa	17.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án. 17.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.
18. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT , hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT .
19. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	19.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT. 19.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu

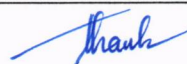
	có) theo quy định tại E-ĐKCT: a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. 19.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.
20. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
21. Bảo hành	21.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. 21.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 21.3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định tại E-ĐKCT. 21.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó. 21.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa

	hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. 21.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.
22. Bồi thường vi phạm sáng chế	22.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 22.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới: a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa. Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng. 22.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 22.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện

thanh

m

	tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan. 22.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết. 22.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh. 22.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.
23. Thay đổi liên quan đến pháp lý	Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 10 E-ĐKC.
24. Bất khả kháng	24.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc





	không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 24.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 24.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 24.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 24.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
25. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	25.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên

	cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng. 25.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 24 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 20 E-ĐKC.
26. Chấm dứt thỏa thuận khung	26.1. Chấm dứt thỏa thuận khung do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm thỏa thuận khung khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong thỏa thuận khung trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu mua sắm, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 25 E-ĐKC; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo thỏa thuận khung, hợp đồng; (iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng; b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt. 26.2. Chấm dứt thỏa thuận khung do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt thỏa thuận khung vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu.

	Trong trường hợp đó, thỏa thuận khung sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt thỏa thuận khung không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
27. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.

thrau

m

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG

(Đính kèm Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số: 0.1.../TTK/2024/PHKQ-TL
ngày 30./9/2024)

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: Số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: 0243 9360668 Fax: 0243 8244650 Tài khoản: 602.004.000.000.7900 tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà Nước
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm Địa chỉ: Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: 0243.8241036 Fax: 0243.8241037 Mã số thuế: 0105959121 Tài khoản: 110600958688 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Chương Dương
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: - Tại Hà Nội: Trụ sở Cục Phát hành và Kho quỹ- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, địa chỉ: Ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội (03 xe ô tô chuyên dùng chở tiền). - Tại Phú Thọ: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: số 1478 Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền). - Tại Nghệ An: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 1 Nguyễn Sỹ Sách, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền) - Tại Vĩnh Long: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 143 Đường Lê Thái Tổ, Phường 2 Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long (01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền).
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Địa chỉ: 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội - Điện thoại: 0243.936.0668 Fax: 0243.8244.650
E-ĐKC 5.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 6.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 07 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án kinh tế Hà Nội. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và ràng buộc hai bên. Tất cả chi phí cho việc xử

Thanh

	kiện sẽ do bên thua chịu.
E-ĐKC 8	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: <i>* Đối với xe cơ sở:</i> + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp; + Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ). <i>* Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền:</i> Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp; <i>* Đối với máy bộ đàm:</i> Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ); <i>* Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp;</i> Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 11.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Sau khi Thỏa thuận khung và các hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực và Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư: Bản sao chứng thực Bảo đảm thực hiện hợp đồng đã cung cấp cho các đơn vị NHNN trực tiếp sử dụng tài sản (theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT); Bảo lãnh tiền tạm ứng (theo Mẫu số 19 Phần 4 của E-HSMT); Giấy đề nghị tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu số tiền bằng 30% giá trị thỏa thuận khung, tương đương số tiền: 5.274.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu đồng) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ đề nghị tạm ứng của Nhà thầu. - Giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng bằng số tiền tạm ứng. - Thời điểm nộp bảo lãnh tiền tạm ứng: Nhà thầu có trách nhiệm nộp Bảo lãnh tạm ứng cho Chủ đầu tư sau khi Thỏa thuận khung, hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực.
E-ĐKC 13.2	a. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản b. Đồng tiền thanh toán: VND c. Tài khoản giao dịch nhận tiền thanh toán hợp đồng:

thanh

- Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm

- Số tài khoản: 110600958688

- Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Chương Dương

d. Điều kiện và thời hạn thanh toán:

Việc thanh toán cho Nhà thầu chia làm 02 đợt:

* Đợt 1: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 85% giá trị thỏa thuận khung (số tiền thanh toán khấu trừ số tiền đã tạm ứng bằng 30% giá trị thỏa thuận khung) tương ứng với số tiền là **9.669.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) trong vòng 10 ngày làm việc sau khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao toàn bộ hàng hóa và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- Đối với xe cơ sở:

+ Một (01) Bản sao y có xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp;

+ Một (01) Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)

- Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền: Một (01) Bản sao chứng thực Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp;

- Đối với máy bộ đàm: Một (01) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);

- Một (01) bản gốc Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp;

- Biên bản kiểm tra hàng hóa tại cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền;

- Biên bản nghiệm thu sơ bộ hàng hóa giữa đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu;

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao tiếp nhận tài sản giữa nhà thầu và các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản;

- Biên bản nghiệm thu tổng thể gói thầu giữa đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu;

- Hóa đơn giá trị gia tăng;

- Bản sao chứng thực Bảo lãnh bảo hành;

- Sổ bảo hành cho từng xe của Nhà sản xuất (đối với xe ô tô); Giấy cam kết bảo hành của nhà thầu (đối với máy bộ đàm);

- Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu;

- Sách hướng dẫn sử dụng và Catalogue (Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch);

thanh

[Signature]

	* <u>Đợt 2</u>: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 15% giá trị còn lại của thỏa thuận khung trong vòng 10 ngày làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán.
E-ĐKC 17.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Không yêu cầu
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bảo đảm hàng hóa được giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của thỏa thuận khung, hợp đồng mua sắm tài sản.
E-ĐKC 19.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 19.2	Các dịch vụ bao gồm: a) Thực hiện việc chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để bảo dưỡng xe ô tô; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho xe ô tô; d) Bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản; đ) Hướng dẫn nhân sự của Đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa về chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. Chi phí về các dịch vụ trên nằm trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 24 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong Thỏa thuận khung, hợp đồng mua sắm tài sản thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá trị Thỏa thuận khung, hợp đồng mua sắm tài sản một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,5%/tuần của giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc các dịch vụ liên quan hoàn thành chậm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt thỏa thuận khung theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 21.3	- Thời hạn bảo hành: + Đối với xe ô tô: Thời hạn bảo hành là 24 tháng hoặc 50.000km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn

thanh

	giao. + Đối với Máy bộ đàm: Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Thời gian bảo hành 24 tháng đối với thân máy, 12 tháng đối với tất cả phụ kiện. (Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho hàng hóa được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chấp nhận hàng hóa sửa chữa hoặc thay thế đó) - Địa điểm để áp dụng bảo hành: + Đối với xe ô tô: Bảo hành tại các trung tâm bảo hành của Hãng trên toàn quốc. + Đối với Máy bộ đàm: Hàng hóa phải được bảo hành tại địa điểm bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và sửa chữa hoặc thay mới trong thời gian bảo hành.
E-ĐKC 21.5 E-ĐKC 21.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 20 ngày.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MSTT
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ -
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Quỳnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
SẢN XUẤT THANH LÂM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Phúc Thanh

Thanh

[Signature]

PHỤ LỤC SỐ 01 – BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CHI TIẾT
(Đính kèm Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số: 0.4./TTK/2024/PHKQ-TL
ngày 30./9/2024)

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỖ TIỀN - Xe cơ sở: + Nhân hiệu: HYUNDAI PAVISE + Mã hiệu: PAVISE D1 SWB + Hãng sản xuất: HYUNDAI MOTOR COMPANY + Xuất xứ: Hàn Quốc - Khoang chở tiền: + Hãng sản xuất: Công ty Cổ phần HYUNDAI Thành Công Việt Nam + Xuất xứ: Việt Nam - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu xe: Trắng xám		
I	THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ SỞ		
	Loại:		Dầu Diesel, 6 xi lanh
1	Động cơ	Loại	D6GA25
		Dung tích xi lanh	5.899cc
		Công suất cực đại (kw/rpm)	184/2500
		Momen xoắn cực đại (N.m/rpm)	870/1400
2	Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5
3	Khoảng sáng gầm xe tối thiểu		205 mm
4	Bán kính vòng quay tối thiểu		7.26 m
5	Ly hợp		Điều khiển thủy lực, trợ lực khí nén, đĩa đơn ma sát khô
6	Hộp số		Hộp số (6 số tiến và 1 số lùi)
7	Dẫn động		1 cầu
8	Trục xe	Trục bánh trước	Dầm chữ I - dẫn hướng
		Trục bánh sau	Chịu tải toàn phần

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
9	Hệ thống phanh	Phanh chính	Phanh tang trống dẫn động khí nén. Trang bị hệ thống phanh ABS
		Phanh khí xả	Có trang bị
		Phanh đỗ	Có trang bị
10	Hệ thống lái		Loại bi tuần hoàn, cột lái vô lăng có thể điều chỉnh
11	Hệ thống treo	Trước	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
		Sau	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
12	Bánh xe và lốp	Bánh xe	19.5x6.75
		Kích thước lốp	245/70R19.5
		Số lượng	7 lốp (Đã bao gồm 01 lốp dự phòng)
13	Sức chứa nhiên liệu		140 lít
14	Khung sườn		Dạng thang
15	Thiết bị điện	Máy phát điện xoay chiều	24V-70A
		Ắc quy	- 24V; - Dung lượng: 120Ah
16	Chiều dài cơ sở		3.900mm
17	Kích thước toàn bộ xe Chassis (Dài x Rộng x Cao)	Dài	7.015mm
		Rộng	2.320mm
		Cao	2.605mm
18	Khối lượng khung (thông số tiêu chuẩn)		4.830 Kg
19	Khối lượng toàn bộ theo thiết kế		15.500 Kg
20	Chiều rộng cabin (Không bao gồm gương chiếu hậu)		2.320 mm

Handwritten signature and text:
 Thanh

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
21	Hệ thống chỉ báo		- Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ - Đèn cảnh báo áp suất khí nén của hệ thống phanh - Đèn cảnh báo hệ thống khóa lật cabin - Đèn chỉ báo đang bật đèn chiếu xa - Đèn chỉ báo xi nhan rẽ - Đèn cảnh báo thắt dây an toàn - Đồng hồ báo mức nhiên liệu - Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát - Đồng hồ báo áp suất khí nén
22	Hệ thống đèn	Đèn chiếu sáng phía trước	Loại chóa phản xạ
		Cụm đèn trước	Đèn báo rẽ/ Đèn cảnh báo + Đèn vị trí
		Cụm đèn sau	Đèn báo rẽ/Đèn cảnh báo + Đèn hậu/Đèn phanh
		Đèn soi biển số	Màu trắng
23	Thiết bị khác		- Bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Sách hướng dẫn bằng Tiếng Anh/Tiếng Việt
24	Cabin	Cabin thiết kế 3 chỗ (ghế lái có thể điều chỉnh); Cabin kiểu lật	Có trang bị
		Chìa khóa mở cửa dạng cơ học, có trang bị tính năng chống khởi động động cơ nếu không đúng chìa theo xe.	Có trang bị
		Cửa kính nâng hạ bằng điện.	Có trang bị
		Điều hoà không khí	Có trang bị
		Trang bị hệ thống Radio, AM, FM	Có trang bị
		Nóc cabin dạng kín, không có cửa nóc	Có trang bị
		Cửa cabin có khóa an toàn bên trong	Có trang bị


thanh

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
II	THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CHỖ TIỀN (Sau khi đóng khoang chở tiền)		
1	Tải trọng hàng hóa		≥ 5.000 kg
2	Kích thước xe ô tô chở tiền	Chiều dài tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	7.265mm
		Chiều rộng tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	2.450mm
		Chiều cao tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	3.050mm
3	Chiều cao tối thiểu trong khoang chở tiền		1.800 mm
4	Khoang chở tiền	Khoang chở tiền được đóng thùng kín	
		Vật liệu khoang chở tiền (gồm 3 lớp): - Lớp ngoài bọc thép được xử lý chống gỉ dày ≥ 2 mm - Lớp giữa bằng vật liệu tổng hợp chống cháy - Lớp trong cùng là lớp hợp kim chống gỉ dày $\geq 1,5$ mm - Sàn khoang chở tiền sử dụng lớp thép có bề mặt phẳng dày ≥ 4 mm.	
5	Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe		- Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe có 2 cánh, mở hết áp vào hai mặt bên khoang chở tiền, cài đóng bằng thanh chặn; có bản lề, có khóa cửa chắc chắn chống cạy phá. Hệ thống then cài (thanh chặn) có chốt trên và chốt dưới - Gioăng chống thấm gắn ở cánh cửa chịu nhiệt và dầu mỡ.
6	Đèn chiếu sáng khoang chở tiền	- Đèn chiếu sáng khoang chở tiền (Đèn trần)	Có trang bị
		- Đèn kích thước khoang chở tiền (Đèn giới hạn khoang chở tiền)	Có trang bị
7	Hệ thống đảm bảo an toàn		
7.1	Thiết bị báo động, sơ cứu y tế	- Trang bị hệ thống phát tín hiệu báo động khi cửa khoang chở tiền chưa	Có trang bị

thanh

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
		đóng. Hệ thống đèn, còi báo động đột nhập cửa khoang chở tiền đặt tại cabin.	
		- Trang bị thiết bị sơ cứu y tế.	Có trang bị
		- Nắp bình nhiên liệu	Có khóa
7.2	Thiết bị báo cháy, chữa cháy	- Trang bị thiết bị báo cháy, hệ thống đèn, còi báo cháy đặt tại cabin	Có trang bị
		- Đầu báo cháy	Đầu báo cháy loại cảm biến khói - Cabin: 01 chiếc - Khoang chở tiền: 01 chiếc
		- Bình cứu hỏa	02 bình (loại 4kg/bình)
7.3	Máy bộ đàm (Đặt tại cabin) - Nhân hiệu: XiR M6660 - Xuất xứ: Malaysia - Hãng sản xuất: Motorola - Năm sản xuất: 2023 trở đi		- Bộ đàm kỹ thuật số gắn lưu động theo xe - Chế độ hoạt động Analog/Digital/Trunking

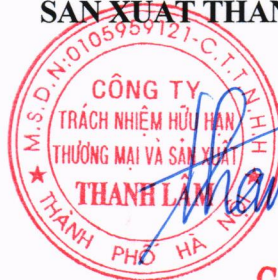
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Quỳnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP HÀNG HÓA
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
SẢN XUẤT THANH LÂM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Phúc Thanh

Thanh

PHỤ LỤC SỐ 02: CÁC MẪU BIỂU

(Đính kèm Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số: 01./TTK/2024/PHKQ-TL ngày 30/09/2024)

I. MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT PHẦN ĐÓNG THÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT PHẦN ĐÓNG KHOANG CHỖ TIỀN

Số:

Căn cứ Thỏa thuận khung Mua sắm tập trung số ngày giữa Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm về việc thực hiện gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra hàng hóa tại cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền số ngày của Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2024, tại chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG: CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ - NHNN Việt Nam (Bên A)

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THANH LÂM (Bên B)

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN XUẤT ĐÓNG KHOANG CHỖ TIỀN: CÔNG TY CP HYUNDAI THÀNH CÔNG VIỆT NAM

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

IV. Thời gian kiểm tra:

V. Địa điểm kiểm tra:

VI. Nội dung kiểm tra

- Hai bên đã trực tiếp đến cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền để tiến hành kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật của 01 xe ô tô chuyên dùng chở tiền trọng tải 05 tấn đã được đóng thùng, hoàn thiện theo Thỏa thuận khung số ngày

- Phương thức và điều kiện kiểm tra:

+ Phần xe cơ sở: Kiểm tra trực tiếp phần động cơ, máy của xe cơ sở; bản vẽ thiết kế, khung, gầm, cabin...theo đúng thông số kỹ thuật đã quy định tại Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết.



+ Phần khoang chở tiền: kiểm tra kích thước, các vật liệu đóng thùng trước khi sơn, cửa khoang chở tiền... đảm bảo theo đúng quy định của Thỏa thuận khung và Hợp đồng đã ký kết.

+ Vận hành xe ô tô chuyên dùng chở tiền và máy bộ đàm đặt tại cabin trên xe.

Hai bên cùng thống nhất, lập biên bản ghi nhận các nội dung kiểm tra kỹ thuật xe chở tiền cụ thể như sau:

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỖ TIỀN - Xe cơ sở: + Nhãn hiệu: HYUNDAI PAVISE + Mã hiệu: PAVISE D1 SWB + Hãng sản xuất: HYUNDAI MOTOR COMPANY + Xuất xứ: Hàn Quốc - Khoang chở tiền: + Hãng sản xuất: Công ty Cổ phần HYUNDAI Thành Công Việt Nam + Xuất xứ: Việt Nam - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám		
I	THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ SỞ		
	Loại:		Dầu Diesel, 6 xi lanh
1	Động cơ	Loại	D6GA25
		Dung tích xi lanh	5.899cc
		Công suất cực đại (kw/rpm)	184/2500
		Momen xoắn cực đại (N.m/rpm)	870/1400
2	Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5
3	Khoảng sáng gầm xe tối thiểu		205 mm
4	Bán kính vòng quay tối thiểu		7.26 m
5	Ly hợp		Điều khiển thủy lực, trợ lực khí nén, đĩa đơn ma sát khô
6	Hộp số		Hộp số (6 số tiến và 1 số lùi)
7	Dẫn động		1 cầu
8	Trục xe	Trục bánh trước	Dầm chữ I - dẫn hướng

thành

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
		Trục bánh sau	Chịu tải toàn phần
9	Hệ thống phanh	Phanh chính	Phanh tang trống dẫn động khí nén. Trang bị hệ thống phanh ABS
		Phanh khí xả	Có trang bị
		Phanh đỗ	Có trang bị
10	Hệ thống lái		Loại bi tuần hoàn, cột lái vô lăng có thể điều chỉnh
11	Hệ thống treo	Trước	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
		Sau	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
12	Bánh xe và lốp	Bánh xe	19.5x6.75
		Kích thước lốp	245/70R19.5
		Số lượng	7 lốp (Đã bao gồm 01 lốp dự phòng)
13	Sức chứa nhiên liệu		140 lít
14	Khung sườn		Dạng thang
15	Thiết bị điện	Máy phát điện xoay chiều	24V-70A
		Ắc quy	- 24V; - Dung lượng: 120Ah
16	Chiều dài cơ sở		3.900mm
17	Kích thước toàn bộ xe Chassis (Dài x Rộng x Cao)	Dài	7.015mm
		Rộng	2.320mm
		Cao	2.605mm
18	Khối lượng khung (thông số tiêu chuẩn)		4.830 Kg
19	Khối lượng toàn bộ theo thiết kế		15.500 Kg
20	Chiều rộng cabin (Không bao gồm gương chiếu hậu)		2.320 mm


thanh

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
21	Hệ thống chỉ báo		- Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ - Đèn cảnh báo áp suất khí nén của hệ thống phanh - Đèn cảnh báo hệ thống khóa lật cabin - Đèn chỉ báo đang bật đèn chiếu xa - Đèn chỉ báo xi nhan rẽ - Đèn cảnh báo thắt dây an toàn - Đồng hồ báo mức nhiên liệu - Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát - Đồng hồ báo áp suất khí nén
22	Hệ thống đèn	Đèn chiếu sáng phía trước	Loại chóa phản xạ
		Cụm đèn trước	Đèn báo rẽ/ Đèn cảnh báo + Đèn vị trí
		Cụm đèn sau	Đèn báo rẽ/Đèn cảnh báo + Đèn hậu/Đèn phanh
		Đèn soi biển số	Màu trắng
23	Thiết bị khác		- Bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Sách hướng dẫn bằng Tiếng Anh/Tiếng Việt
24	Cabin	Cabin thiết kế 3 chỗ (ghế lái có thể điều chỉnh); Cabin kiểu lật	Có trang bị
		Chìa khóa mở cửa dạng cơ học, có trang bị tính năng chống khởi động động cơ nếu không đúng chìa theo xe.	Có trang bị
		Cửa kính nâng hạ bằng điện.	Có trang bị
		Điều hoà không khí	Có trang bị
		Trang bị hệ thống Radio, AM, FM	Có trang bị
		Nóc cabin dạng kín, không có cửa nóc	Có trang bị

Handwritten signature

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
		Cửa cabin có khóa an toàn bên trong	Có trang bị
II THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CHỖ TIỀN (Sau khi đóng khoang chở tiền)			
1	Tải trọng hàng hóa		≥ 5.000 kg
2	Kích thước xe ô tô chở tiền	Chiều dài tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	7.265mm
		Chiều rộng tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	2.450mm
		Chiều cao tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	3.050mm
3	Chiều cao tối thiểu trong khoang chở tiền		1.800 mm
4	Khoang chở tiền		Khoang chở tiền được đóng thùng kín
			Vật liệu khoang chở tiền (gồm 3 lớp): - Lớp ngoài bọc thép được xử lý chống gỉ dày ≥ 2 mm - Lớp giữa bằng vật liệu tổng hợp chống cháy - Lớp trong cùng là lớp hợp kim chống gỉ dày ≥ 1,5 mm - Sàn khoang chở tiền sử dụng lớp thép có bề mặt phẳng dày ≥ 4 mm.
5	Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe		- Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe có 2 cánh, mở hết áp vào hai mặt bên khoang chở tiền, cài đóng bằng thanh chặn; có bản lề, có khóa cửa chắc chắn chống cạy phá. Hệ thống then cài (thanh chặn) có chốt trên và chốt dưới - Gioăng chống thấm gắn ở cánh cửa chịu nhiệt và dầu mỡ.
6	Đèn chiếu sáng khoang chở tiền	- Đèn chiếu sáng khoang chở tiền (Đèn trần)	Có trang bị
		- Đèn kích thước khoang chở tiền (Đèn giới hạn khoang chở tiền)	Có trang bị

Thanh

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
7	Hệ thống đảm bảo an toàn		
7.1	Thiết bị báo động, sơ cứu y tế	- Trang bị hệ thống phát tín hiệu báo động khi cửa khoang chở tiền chưa đóng. Hệ thống đèn, còi báo động đột nhập cửa khoang chở tiền đặt tại cabin.	Có trang bị
		- Trang bị thiết bị sơ cứu y tế.	Có trang bị
		- Nắp bình nhiên liệu	Có khóa
7.2	Thiết bị báo cháy, chữa cháy	- Trang bị thiết bị báo cháy, hệ thống đèn, còi báo cháy đặt tại cabin	Có trang bị
		- Đầu báo cháy	Đầu báo cháy loại cảm biến khói - Cabin: 01 chiếc - Khoang chở tiền: 01 chiếc
		- Bình cứu hỏa	02 bình (loại 4kg/bình)
7.3	Máy bộ đàm (Đặt tại cabin) - Nhân hiệu: XiR M6660 - Xuất xứ: Malaysia - Hãng sản xuất: Motorola - Năm sản xuất: 2023 trở đi		- Bộ đàm kỹ thuật số gắn lưu động theo xe - Chế độ hoạt động Analog/Digital/Trunking

VI. Kết luận

- Bên bán có trách nhiệm hoàn thiện toàn bộ hàng hóa theo quy định của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết.

- Việc bàn giao hàng hóa cho Bên mua phải đúng tiến độ theo quy định của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết.

Biên bản được các Bên nhất trí thông qua và được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B: mỗi bên giữ 02 (hai) bản; gửi cho Nhà sản xuất đóng khoang chở tiền; NHNN Chi nhánh tỉnh Nghệ An; NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Thọ, NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long mỗi đơn vị 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA
SẮM TẬP TRUNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN XUẤT
ĐÓNG KHOANG CHỞ TIỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thanh

II: MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU SƠ BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU SƠ BỘ HÀNG HÓA

Số:

Căn cứ Thỏa thuận khung Mua sắm tập trung số ngày giữa Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm về việc thực hiện gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ văn bản thông báo kế hoạch nghiệm thu sơ bộ số ngày..... của Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2024, tại chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG: CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ - NHNN Việt Nam (Bên A)

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THANH LÂM (Bên B)

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

Hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra, nghiệm thu sơ bộ hàng hóa theo Thỏa thuận khung mua sắm tập trung sốngày..... giữa Cục Phát hành và Kho quỹ và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm, cụ thể như sau:

I. Thời gian nghiệm thu:

II. Địa điểm nghiệm thu:.....

III. Nội dung nghiệm thu

1. Hàng hóa thực hiện nghiệm thu: Ô tô chuyên dùng chở tiền, mới 100%, đúng số lượng, chủng loại, xuất xứ, model, năm sản xuất đúng theo quy định tại Thỏa thuận khung số ngày....., cụ thể:

TT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số khung (đối với xe ô tô)	Số máy (đối với xe ô tô)
1	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỞ TIỀN - Nhãn hiệu: HYUNDAI PAVISE - Mã hiệu: PAVISE D1 SWB - Dung tích xy lanh: 5.899cc	Xe	06		
					
					
					

thanh

TT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số khung (đối với xe ô tô)	Số máy (đối với xe ô tô)
	- Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám - Số chỗ ngồi: 03 chỗ - Tiêu chuẩn khí thải: EURO5				
					
					
2	Máy bộ đàm (Đặt tại cabin) - Nhãn hiệu: XiR M6660 - Hãng sản xuất: Motorola - Xuất xứ: Malaysia - Năm sản xuất: 2023 trở đi	Bộ		- Serial number:..... - Serial number:..... - Serial number:..... - Serial number:..... - Serial number:..... - Serial number:.....	

2. Hồ sơ kèm theo:

- Đối với xe cơ sở:

+ Một (01) Bản sao y có xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp;

+ Một (01) Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

- Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền: Một (01) Bản gốc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp;

- Đối với máy bộ đàm: Một (01) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);

- Một (01) Bản gốc Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp.

IV. Kết luận

Bên A đồng ý nghiệm thu sơ bộ hàng hóa, Bên B có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa tới các địa điểm giao hàng theo quy định tại Điều 4 Thỏa thuận khung.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho các đơn vị sử dụng kế hoạch nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

Biên bản được hai Bên nhất trí thông qua và được lập thành 07 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B: mỗi bên giữ 02 (hai) bản; gửi cho NHNN Chi nhánh tỉnh Nghệ An; NHNN Chi nhánh tỉnh Phú Thọ, NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long mỗi đơn vị 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP
TRUNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

thanh

Thank

	- Dung tích xylanh: 5.899cc - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám - Số chỗ ngồi: 03 chỗ - Tiêu chuẩn khí thải: EURO5				
	TỔNG CỘNG				

Bảng chữ:.....

(Giá đã bao gồm giá xe, thuế GTGT 10%, các loại thuế và chi phí vận chuyển đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của Bên mua).

Điều 2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước khi hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực, Bên B cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành cho Bên A. Thư bảo lãnh là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu số 18, Phần 4 Biểu mẫu hợp đồng, E-HSMT.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị Hợp đồng mua sắm tài sản, tương đương số tiền:.....(*Bảng chữ:*.....).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa tại đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

+ Từ chối thực hiện Thỏa thuận khung, hợp đồng khi Thỏa thuận khung, hợp đồng có hiệu lực;

+ Vi phạm thỏa thuận trong Thỏa thuận khung, hợp đồng;

+ Thực hiện Thỏa thuận khung, hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản và tài liệu bàn giao

3.1. Thời gian giao, nhận tài sản: 210 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

3.2. Địa điểm giao, nhận tài sản:.....

3.3. Tài liệu bàn giao:

- *Đối với xe cơ sở:*

+ Một (01) Bản sao y có xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp;

+ Một (01) Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

- *Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền:* Một (01) Bản gốc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp;

Thanh

- *Đối với máy bộ đàm:* Một (01) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);
- Một (01) Bản gốc Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp.
- Bản gốc đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý theo quy định hiện hành để thực hiện đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.
- Sổ bảo hành cho từng xe của Nhà sản xuất (đối với xe ô tô);
- Giấy cam kết bảo hành của nhà thầu đối với Máy bộ đàm.
- Sách hướng dẫn sử dụng và Catalogue (*Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch*).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B (*Theo Mẫu Hợp đồng mua sắm tài sản tại Phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*). Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Thỏa thuận khung mua sắm tập trung.
- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện nội dung công việc theo quy định Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm tài sản. Phối hợp Bên B thực hiện chạy thử nghiệm 100-200km (tuyến đường do Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chỉ định)... để thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
- Lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (*Theo Mẫu Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản tại Phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung*).
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu hành xe ô tô theo quy định hiện hành ngay sau khi nhận đủ bộ hồ sơ, giấy tờ pháp lý của xe ô tô do Bên B cung cấp.
- Hạch toán, theo dõi tài sản trên sổ sách kế toán, quản lý và sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà Nước.
- Thực hiện thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B. Việc thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.
- Thông báo, phối hợp với Đơn vị mua sắm tập trung và Bên B trong việc giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua sắm, bảo hành hàng hóa.
- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm gửi 02 (hai) bản chính các văn bản: Hợp đồng mua sắm tài sản; Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản và Biên bản thanh lý hợp đồng về Cục Phát hành và Kho quỹ ngay sau khi hoàn thành công việc hợp đồng và cung cấp bản sao hồ sơ, chứng từ, hóa đơn liên quan đăng ký lưu hành xe để Cục Phát hành và Kho quỹ thực hiện quyết toán mua sắm hàng hóa.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hàng hóa đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, xuất xứ theo quy định tại Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm tài sản.



- Thực hiện ký kết Thỏa thuận khung mua sắm tập trung với Đơn vị mua sắm tập trung; Ký Hợp đồng mua sắm tài sản với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Ký các Biên bản theo quy định của Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản. Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ phục vụ tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định Thỏa thuận khung.

- Hợp đồng mua sắm tài sản phải được ký kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Thỏa thuận khung mua sắm tập trung.

- Cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và hướng dẫn vận hành cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản. Trước khi cung cấp hàng hóa, Bên B phải cung cấp danh sách cán bộ tham gia thực hiện gói thầu và có văn bản cam kết lý lịch trích ngang của cán bộ thực hiện kiểm tra, thử nghiệm, bàn giao và hướng dẫn sử dụng cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Bên B phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết như: Biển số tạm, nhiên liệu,... cho các xe để thực hiện việc chạy thử, nghiệm thu bàn giao hàng hóa.

- Bên B phải đảm bảo cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ, giấy tờ pháp lý của xe ô tô để đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện các thủ tục đăng ký lưu hành xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Bên B hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Bên B phải có trách nhiệm đảm bảo nguồn vốn trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại Thỏa thuận khung.

Điều 5: Bảo hành, hướng dẫn sử dụng hàng hóa

5.1. Thời hạn bảo hành:

- Đối với xe ô tô: Thời hạn bảo hành là 24 tháng hoặc 50.000km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao.

- Đối với Máy bộ đàm: Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Thời gian bảo hành 24 tháng đối với thân máy, 12 tháng đối với tất cả phụ kiện.

(Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho hàng hóa được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chấp nhận hàng hóa sửa chữa hoặc thay thế đó).

5.2. Địa điểm bảo hành:

- Đối với xe ô tô: Bảo hành tại các trung tâm bảo hành của Hãng trên toàn quốc.

- Đối với Máy bộ đàm: Hàng hóa phải được bảo hành tại địa điểm bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và sửa chữa hoặc thay mới trong thời gian bảo hành.

5.3. Tiền bảo hành: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Bên A, Bên B phải nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng cho Bên A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành theo thời hạn bảo hành hàng hóa theo quy định.

5.4. Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:



- Bên B chỉ bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

- Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;

- Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

5.5. Số điện thoại liên hệ bảo hành: 0971.319.889

5.6. Hướng dẫn sử dụng tài sản: Bên B hướng dẫn sử dụng tài sản tại địa điểm giao nhận tài sản của Bên A.

5.7. Dịch vụ yêu cầu:

- Thực hiện việc chạy thử hàng hóa;
- Cung cấp các dụng cụ cần thiết để bảo dưỡng xe ô tô;
- Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho xe ô tô;

Chi phí về các dịch vụ trên nằm trong giá hợp đồng.

5.8. Dịch vụ sau bán hàng:

- Bên B hỗ trợ kỹ thuật cho Bên A về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hàng hóa khi có yêu cầu trong khoảng thời gian được các bên đồng ý, với điều kiện những dịch vụ này không miễn trừ cho Bên B khỏi các nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Hợp đồng này có hiệu lực sau 12 ngày làm việc kể từ ngày ký và Bên A nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A và Bên B mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


thanh

PHỤ LỤC SỐ 01 – BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT

(Đính kèm Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm 2024)

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỖ TIỀN - Xe cơ sở: + Nhân hiệu: HYUNDAI PAVISE + Mã hiệu: PAVISE D1 SWB + Hãng sản xuất: HYUNDAI MOTOR COMPANY + Xuất xứ: Hàn Quốc - Khoang chở tiền: + Hãng sản xuất: Công ty Cổ phần HYUNDAI Thành Công Việt Nam + Xuất xứ: Việt Nam - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám		
I	THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ SỞ		
	Loại:		Dầu Diesel, 6 xi lanh
1	Động cơ	Loại	D6GA25
		Dung tích xi lanh	5.899cc
		Công suất cực đại (kw/rpm)	184/2500
		Momen xoắn cực đại (N.m/rpm)	870/1400
2	Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5
3	Khoảng sáng gầm xe tối thiểu		205 mm
4	Bán kính vòng quay tối thiểu		7.26 m
5	Ly hợp		Điều khiển thủy lực, trợ lực khí nén, đĩa đơn ma sát khô
6	Hộp số		Hộp số (6 số tiến và 1 số lùi)
7	Dẫn động		1 cầu
8	Trục xe	Trục bánh trước	Dầm chữ I - dẫn hướng
		Trục bánh sau	Chịu tải toàn phần

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
9	Hệ thống phanh	Phanh chính	Phanh tang trống dẫn động khí nén. Trang bị hệ thống phanh ABS
		Phanh khí xả	Có trang bị
		Phanh đỗ	Có trang bị
10	Hệ thống lái		Loại bi tuần hoàn, cột lái vô lăng có thể điều chỉnh
11	Hệ thống treo	Trước	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
		Sau	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
12	Bánh xe và lốp	Bánh xe	19.5x6.75
		Kích thước lốp	245/70R19.5
		Số lượng	7 lốp (Đã bao gồm 01 lốp dự phòng)
13	Sức chứa nhiên liệu		140 lít
14	Khung sườn		Dạng thang
15	Thiết bị điện	Máy phát điện xoay chiều	24V-70A
		Ắc quy	- 24V; - Dung lượng: 120Ah
16	Chiều dài cơ sở		3.900mm
17	Kích thước toàn bộ xe Chassis (Dài x Rộng x Cao)	Dài	7.015mm
		Rộng	2.320mm
		Cao	2.605mm
18	Khối lượng khung (thông số tiêu chuẩn)		4.830 Kg
19	Khối lượng toàn bộ theo thiết kế		15.500 Kg
20	Chiều rộng cabin (Không bao gồm gương chiếu hậu)		2.320 mm
21	Hệ thống chỉ báo		- Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
			- Đèn cảnh báo áp suất khí nén của hệ thống phanh - Đèn cảnh báo hệ thống khóa lật cabin - Đèn chỉ báo đang bật đèn chiếu xa - Đèn chỉ báo xi nhan rẽ - Đèn cảnh báo thắt dây an toàn - Đồng hồ báo mức nhiên liệu - Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát - Đồng hồ báo áp suất khí nén
22	Hệ thống đèn	Đèn chiếu sáng phía trước	Loại chóa phản xạ
		Cụm đèn trước	Đèn báo rẽ/ Đèn cảnh báo + Đèn vị trí
		Cụm đèn sau	Đèn báo rẽ/Đèn cảnh báo + Đèn hậu/Đèn phanh
		Đèn soi biển số	Màu trắng
23	Thiết bị khác		- Bộ đồ nghề sửa chữa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Sách hướng dẫn bằng Tiếng Anh/Tiếng Việt
24	Cabin	Cabin thiết kế 3 chỗ (ghế lái có thể điều chỉnh); Cabin kiểu lật	Có trang bị
		Chìa khóa mở cửa dạng cơ học, có trang bị tính năng chống khởi động động cơ nếu không đúng chìa theo xe.	Có trang bị
		Cửa kính nâng hạ bằng điện.	Có trang bị
		Điều hoà không khí	Có trang bị
		Trang bị hệ thống Radio, AM, FM	Có trang bị

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
		Nóc cabin dạng kín, không có cửa nóc	Có trang bị
		Cửa cabin có khóa an toàn bên trong	Có trang bị
II	THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CHỖ TIỀN (Sau khi đóng khoang chở tiền)		
1	Tải trọng hàng hóa		≥ 5.000 kg
2	Kích thước xe ô tô chở tiền	Chiều dài tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	7.265mm
		Chiều rộng tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	2.450mm
		Chiều cao tổng thể sau khi đóng khoang chở tiền	3.050mm
3	Chiều cao tối thiểu trong khoang chở tiền		1.800 mm
4	Khoang chở tiền	Khoang chở tiền được đóng thùng kín	
		Vật liệu khoang chở tiền (gồm 3 lớp): - Lớp ngoài bọc thép được xử lý chống gỉ dày ≥ 2 mm - Lớp giữa bằng vật liệu tổng hợp chống cháy - Lớp trong cùng là lớp hợp kim chống gỉ dày $\geq 1,5$ mm - Sàn khoang chở tiền sử dụng lớp thép có bề mặt phẳng dày ≥ 4 mm.	
5	Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe		- Cửa khoang chở tiền ở phía sau xe có 2 cánh, mở hết áp vào hai mặt bên khoang chở tiền, cài đóng bằng thanh chặn; có bản lề, có khóa cửa chắc chắn chống cạy phá. Hệ thống then cài (thanh chặn) có chốt trên và chốt dưới - Gioăng chống thấm gắn ở

Thanh

TT	Nội dung		Thông số kỹ thuật
			cánh cửa chịu nhiệt và dầu mỡ.
6	Đèn chiếu sáng khoang chở tiền	- Đèn chiếu sáng khoang chở tiền (Đèn trần)	Có trang bị
		- Đèn kích thước khoang chở tiền (Đèn giới hạn khoang chở tiền)	Có trang bị
7	Hệ thống đảm bảo an toàn		
7.1	Thiết bị báo động, sơ cứu y tế	- Trang bị hệ thống phát tín hiệu báo động khi cửa khoang chở tiền chưa đóng. Hệ thống đèn, còi báo động đột nhập cửa khoang chở tiền đặt tại cabin.	Có trang bị
		- Trang bị thiết bị sơ cứu y tế.	Có trang bị
		- Nắp bình nhiên liệu	Có khóa
7.2	Thiết bị báo cháy, chữa cháy	- Trang bị thiết bị báo cháy, hệ thống đèn, còi báo cháy đặt tại cabin	Có trang bị
		- Đầu báo cháy	Đầu báo cháy loại cảm biến khói - Cabin: 01 chiếc - Khoang chở tiền: 01 chiếc
		- Bình cứu hỏa	02 bình (loại 4kg/bình)
7.3	Máy bộ đàm (Đặt tại cabin) - Nhãn hiệu: XiR M6660 - Xuất xứ: Malaysia - Hãng sản xuất: Motorola - Năm sản xuất: 2023 trở đi		- Bộ đàm kỹ thuật số gắn lưu động theo xe - Chế độ hoạt động Analog/Digital/Trunking

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

thanh

IV- MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

Số:

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung Mua sắm tập trung số ngày giữa Cục Phát hành và Kho quỹ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm về việc thực hiện gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ngày/...../2024 ký kết giữavà Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm về việc thực hiện gói thầu “Mua sắm tập trung 06 xe ô tô chuyên dùng chở tiền cho các đơn vị NHNN”;

Căn cứ Biên bản kiểm tra hàng hóa tại cơ sở sản xuất phần đóng khoang chở tiền ngày/...../2024 giữa Cục Phát hành và Kho quỹ- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu sơ bộ hàng hóa ngày .../.../2024 giữa Cục Phát hành và Kho quỹ- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2024, tại chúng tôi gồm:

I: ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG HÀNG HÓA

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

II: ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THANH LÂM

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

Hai bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng, cụ thể:

1. Thời gian nghiệm thu:

2. Nội dung nghiệm thu

2.1. Tài sản thực hiện bàn giao, tiếp nhận

Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm đã cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chủng loại, xuất xứ, model theo đúng quy định tại Thỏa thuận khung số.....ngày và Hợp đồng mua sắm tài sản số.....ngày, cụ thể:

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	XE Ô TÔ CHUYÊN DỪNG CHỖ TIỀN - Nhãn hiệu: HYUNDAI PAVISE - Mã hiệu: PAVISE D1 SWB - Dung tích xylanh: 5.899cc - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám - Số chỗ ngồi: 03 chỗ - Tiêu chuẩn khí thải: EURO5	Xe		- Số khung: - Số máy:
	Bộ đàm đảm bảo thông tin liên lạc gắn trên xe - Model: XiR M3188; - Hãng sản xuất: Motorola; - Xuất xứ: Malaysia - Năm sản xuất: 2023	Bộ		- Serial number:.....
	TỔNG CỘNG			

2.2. Kiểm tra, thử nghiệm:

- Đối với ô tô: Kiểm tra các chức năng, tình trạng vận hành và chạy thử nghiệm. Phần thử nghiệm xe được xếp đủ trọng tải, chạy thử quãng đường 100-200km (tuyến đường do Bên A chỉ định).

- Đối với bộ đàm: Kiểm tra, thử nghiệm bộ đàm đảm bảo thông tin liên lạc, kết nối ổn định, thông suốt với bộ đàm của các xe chuyên dùng Bên A đang sử dụng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản).

2.3. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận

- Đối với xe cơ sở:

+ Một (01) Bản sao y có xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do cơ quan chức năng cấp;

+ Một (01) Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

- Đối với xe sau khi đóng khoang chở tiền: Một (01) Bản gốc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng do cơ quan chức năng cấp;

- Đối với máy bộ đàm: Một (01) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ);

thanh

- Một (01) Bản gốc Chứng thư giám định hàng hóa về tình trạng, số lượng, xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có chức năng cấp.

- Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất (đối với xe ô tô);

- Giấy cam kết bảo hành của nhà thầu đối với Máy bộ đàm.

- Sách hướng dẫn sử dụng và Catalogue (*Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch*).

- Bản gốc đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý theo quy định hiện hành để thực hiện đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật hiện hành gồm:

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có)

3.1. Ý kiến của Bên giao:

.....

3.2. Ý kiến của Bên nhận:

.....

Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên giao và Bên nhận: mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 (hai) bản cho đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ).

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Đính kèm Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản số ngày)

TT	Nội dung kiểm tra	Yêu cầu kiểm tra	Kết quả kiểm tra
	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỖ TIỀN		
	Xe ô tô chuyên dùng chỗ tiền: - Nhãn hiệu: HYUNDAI PAVISE - Mã hiệu: PAVISE D1 SWB - Dung tích xy lanh: 5.899cc - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám - Số chỗ ngồi: 03 chỗ - Tiêu chuẩn khí thải: EURO5	Kiểm tra các chức năng, tình trạng vận hành và chạy thử nghiệm. Phần thử nghiệm xe được xếp đủ trọng tải, chạy thử quãng đường 100-200km (tuyến đường do Bên A chỉ định).	
	Máy bộ đàm (Đặt tại cabin) - Nhãn hiệu: XiR M6660 - Xuất xứ: Malaysia - Hãng sản xuất: Motorola - Năm sản xuất: 2023 trở đi	Kiểm tra, thử nghiệm bộ đàm đảm bảo thông tin liên lạc, kết nối ổn định, thông suốt với bộ đàm của các xe chuyên dùng Bên A đang sử dụng.	

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



V: MẪU BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số/TTK/PHKQ-..... ngày .../.../2024 ký kết giữa Cục Phát hành và Kho quỹ – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nhà thầu Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày tháng ... năm ... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản ngày.../.../2024 giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2024, tại (Tên và địa chỉ đơn vị NHNN được trang bị tài sản) chúng tôi gồm có:

I. Đại diện đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Sau đây gọi là Bên A):

Đại diện Ông/Bà:Chức vụ:

II. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (Sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THANH LÂM

Địa chỉ: Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.8241036 Fax: 0243.8241037

Mã số thuế: 0105959121

Tài khoản: 110600958688

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Chương Dương

Đại diện là: Bà Nguyễn Thị Phúc Thanh Chức vụ: Giám đốc

Các bên thống nhất và đồng ý ký kết biên bản thanh lý Hợp đồng này với các điều khoản quy định dưới đây:

Điều 1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

Căn cứ Hợp đồng số mua sắm tài sản số.....ngày.../.../..... giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thanh Lâm, sau khi nhận thấy những mục đích và lợi ích khi ký kết hợp đồng đã đầy đủ, các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng kể từ ngày các bên đồng ý ký kết vào văn bản này.

Các bên được giải phóng khỏi những quy định theo Hợp đồng mua sắm tài sản số ... ngày .../.../... mà không gặp phải bất kỳ trở ngại nào, trừ nghĩa vụ phải hoàn thành theo Điều 3 của Biên bản này.


thanh

Điều 2: Nghĩa vụ đã hoàn thành:

Bên B đã hoàn tất việc cung cấp hàng hóa đúng với Điều 1 của Hợp đồng mua sắm tài sản số...ngày.../.../2024, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CHỖ TIỀN - Nhân hiệu: HYUNDAI PAVISE - Mã hiệu: PAVISE D1 SWB - Dung tích xylanh: 5.899cc - Xe ô tô sản xuất năm 2024 trở lên - Màu sơn: Trắng xám - Số chỗ ngồi: 03 chỗ - Tiêu chuẩn khí thải: EURO5	Xe		2.930.000.000		
	TỔNG					

Điều 3: Nghĩa vụ còn lại của các bên:

3.1. Bên B có trách nhiệm:

3.1.1. Thời hạn bảo hành:

- Đối với xe ô tô: Thời hạn bảo hành là 24 tháng hoặc 50.000km tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao.

- Đối với Máy bộ đàm: Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Thời gian bảo hành 24 tháng đối với thân máy, 12 tháng đối với tất cả phụ kiện.

(Nếu hàng hoá phải sửa chữa hay thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho hàng hóa được sửa chữa hay thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chấp nhận hàng hóa sửa chữa hoặc thay thế đó).

3.1.2. Địa điểm bảo hành:

- Đối với xe ô tô: Bảo hành tại các trung tâm bảo hành của Hãng trên toàn quốc.

- Đối với Máy bộ đàm: Hàng hóa phải được bảo hành tại địa điểm bàn giao, nghiệm thu hàng hóa và sửa chữa hoặc thay mới trong thời gian bảo hành.

3.1.3. Tiền bảo hành:

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Bên A, Bên B phải nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng cho Bên A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành theo thời hạn bảo hành hàng hóa theo quy định.

3.1.4. Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:

- Bên B chỉ bảo hành những lỗi do lỗi của nhà sản xuất, không bảo hành những lỗi do người sử dụng gây ra.

- Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản;

- Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật... do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất, khuyết tật... của hàng hóa đúng thời hạn, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời hạn bảo hành, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho Bên B thanh toán hoặc yêu cầu Bên B hoàn trả.

3.1.5. Số điện thoại liên hệ bảo hành: 0971.319.889

3.1.6. Dịch vụ sau bán hàng:

- Bên B hỗ trợ kỹ thuật cho Bên A về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hàng hóa khi có yêu cầu trong khoảng thời gian được các bên đồng ý, với điều kiện những dịch vụ này không miễn trừ cho Bên B khỏi các nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

3.2. Bên A có trách nhiệm:

Khi có sự cố, Bên A liên lạc bằng văn bản (Fax) hoặc qua điện thoại với Bên B mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì theo Điểm 3.1 Điều này.

Điều 4. Điều khoản chung:

- Các bên đã đọc và thống nhất về những thỏa thuận trong Biên bản này.

- Các bên cam kết tiếp tục thực hiện nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng mua sắm tài sản số.....ngày.../... /2024 giữa (tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và Nhà thầu..... cho đến hết thời hạn theo thỏa thuận.

- Biên bản được ký dựa trên nguyên tắc tự nguyện của các bên.

- Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A và Bên B mỗi bên giữ 02 bản; gửi 02 bản về đơn vị mua sắm tập trung (Cục Phát hành và Kho quỹ).

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

thành